

VẤN ĐỀ CHUNG

I. Lịch sử loại trường BT VH - VHVL

Loại hình trường BT VH - VHVL đã có ở nước ta những năm đầu của thập kỷ 60. Nhà trường đầu tiên thuộc loại này là trường Tô Hiệu thuộc tỉnh Hưng Yên cũ. Ở đây người học được bỏ túc văn hoá hết cấp I và cấp II rồi được cử đi đào tạo thành cốt cán của các ngành trong tỉnh. Đây là một trường có ký túc xá, trong đó ngoài nhiệm vụ học tập, học viên còn **lao động sản xuất nông nghiệp góp phần tự túc phần ăn của mình**. Chính anh hùng lao động thu lợi Phạm Thị Vách khi xưa đã được đào tạo qua trường này.

Thuộc loại trường này có một trường được nhiều người biết : " Trường thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hoà Bình ". Cũng như trường Tô Hiệu, trường này đào tạo cốt cán cho địa phương.

Đến đầu thập kỷ 70, ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, việc đào tạo cán bộ cốt cán đã tương đối đủ, loại trường BT VH cho thanh niên theo kiểu vừa học vừa làm đã dần dần hết nhiệm vụ. Trong khi đó ở vùng miền núi loại hình này vẫn tồn tại dưới tên khác " Trường thanh niên dân tộc ".

Đến cuối thập kỷ 70, do khả năng có hạn của Nhà nước trong việc phát triển giáo dục phổ thông, nhiều thiếu niên tốt nghiệp cấp II phổ thông **không đủ điều kiện vào học cấp III** trong khi bản thân và gia đình họ còn muốn được học tiếp tục. Vì thế, một số địa phương đã giao cho Ngành BT VH mở các trường lớp để thu nạp họ. Đó là các trường BT VH trung học cho thanh thiếu niên mà có nơi dùng lại tên cũ " Trường vừa học vừa làm " (VHVL). Lúc này hình thức vừa học vừa làm có nội dung mới, thay cho lao động có tính chất tự túc, học sinh được học nghề nhằm mục tiêu hướng nghiệp và đào tạo nghề phục vụ xã hội.

Kiểu trường vừa học vừa làm này hiện đang tồn tại với hoạt động chủ yếu là dạy các môn văn hoá. Việc dạy nghề chưa được tổ chức hoặc chỉ được tổ chức một cách hình thức. Thí dụ như, trước năm 1991 cả 3 trường BT VH của thanh thiếu niên huyện Hoài Đức (Hà Tây) đều chưa dạy nghề cho học sinh.

Đến nay một số trường đã được **nhận thêm một số nhiệm vụ** (xoá mù chữ, dạy chuyên đề, dạy ngoại ngữ, dạy nghề cho mọi người...), do đó chuyển thành "**Trung tâm giáo dục thường xuyên**". Thí dụ, đến cuối năm 1993 ở Hà Nội đã chuyển 5 trong số 25 trường BTVH VHVL thành trung tâm giáo dục thường xuyên.

II. Lí do nghiên cứu đề tài.

Từ năm 1978-1979, đối tượng của Ngành BTVH không chỉ là người lớn (người lao động) mà gồm cả thanh thiếu niên không đủ điều kiện học tại các trường phổ thông chính qui. Thật ra từ vài năm trước đó trong các lớp BTVH cấp II, III đã có một số thanh thiếu niên xin vào học, nhưng chỉ từ năm 1978 số này mới trở nên đông đảo, nhất là các thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng, T.P Hồ Chí Minh...). Năm 1992-1993 các trường BTVH của Hà Nội có 6185 thanh thiếu niên và chỉ có 521 người lớn theo học. Năm 1990-1991 ở Quảng Ninh có 700 học sinh BTVH VHVL và 548 học sinh người lớn.

Từ năm 1978 đến nay, các trường lớp này vẫn tồn tại với các tên : " Trường BTVH thanh thiếu niên ", " Trường BTVH trung học VHVL "...

Vì Ngành BTVH chỉ có một chương trình và một bộ sách cho hệ đào tạo nên các thanh thiếu niên này cũng học như người lớn.

Để có một chương trình phù hợp với thanh thiếu niên, năm 1989 Trung tâm nghiên cứu giáo dục phổ thông người lớn đã nghiên cứu và đề nghị 2 phương án sau :

Phương án 1 : Chương trình chia thành 2 ban (Ban tự nhiên và ban xã hội). Mỗi ban học 4 môn chính và 1 môn phụ là giáo dục công dân.

Phương án 2 : Chương trình chỉ có một ban tự nhiên gồm 4 môn chính và 1 môn phụ là giáo dục công dân.

Lúc đó các phương án này đều không được ủng hộ vì thanh thiếu niên thất học phổ thông chưa được là đối tượng của Ngành BTVH mà vẫn được coi là đối tượng của Ngành học phổ thông.

Đến năm 1990, do nhu cầu điều chỉnh, chương trình BTVH trung học được qui định gồm 5 môn (Văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh), với nội dung sách giáo khoa phổ thông trung học đã được tinh giản nhưng với thời gian ít hơn so với chương trình PTTH (Xem bảng 1).

SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH THPT VÀ THPTVH HIỆN HÀNH.

Bảng 1

Môn học	Phổ thông trung học	BTVH trung học
Tiếng Việt-Tập làm văn.	165 tiết	160 tiết
Văn học.	198	192
Toán học.	462	448
Vật lí.	262	256
Hoá học	198	192
Sinh học.	99	96
Giáo dục công dân.	99	
Lịch sử.	132	
Địa lí.	132	
Ngoại ngữ.	330	
Thể dục.	66	
Kĩ thuật.	66	

Điểm khác nhau cơ bản nhất giữa các thanh thiếu niên này với học sinh phổ thông cùng lứa tuổi là : đa số trong họ vốn là học sinh yếu kém.

Chẳng hạn như trong số 430 học sinh VHVL năm 1990 của các trường xã Phù Đổng, Phú Thị, Tân Lập (Ngoại thành Hà Nội) có 78% là học sinh không đủ điểm vào PTTH.

Do sức học khi vào kém, nên ngay khi học theo chương trình BTVH cũ vẫn còn nhiều học sinh kém. Kết quả điều tra cuối năm 1988-1989 ở trường BTVH của xã Gia Thụy (Gia Lâm, Hà Nội) cho thấy :

TỈ LỆ HỌC SINH YẾU KÉM Ở TRƯỜNG GIA THUY CUỐI NĂM 1988-1989.

Bảng 2

Môn học	10A	10B	10C	11A	11B	11C	11D
Văn.	5%	0	45,6%	19,1%	28,9%	30%	0
Toán.	47%	64,6%	38,6%	0	88,9%	58,6%	50%
Lí.	43,2%	62%	61,4%	9,1%	39,5%	0	0
Hoá.	38%	65%	62,2%	27,6%	67,4%	61,7%	44,7%

Khi đã khẳng định trình độ học sinh BTVHTH VHVL là yếu kém, không thể để họ học *theo chương trình và sách giáo khoa phổ thông trung học hiện hành với số tiết ít hơn của PTH* (Xem bảng so sánh 2 chương trình ở trên). Vì thế cần có sự điều chỉnh số tiết và nội dung các môn học sao cho phù hợp với đối tượng để đạt được yêu cầu xã hội mong muốn.

Điểm khác nhau cơ bản giữa chương trình BTVHTH và PTH hiện nay là : Người học BTVH chỉ phải học 5 môn (Văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh). *Chương trình này thích hợp với học viên người lớn*. Vì họ là người đã trưởng thành, có nhiều vốn sống tích lũy được trong quá trình lao động và công tác. Họ *không có nhiều thời gian ngoài giờ làm việc để có thể học nhiều môn học như trẻ em*. Chương trình này đã phù hợp với người lớn, không phù hợp với thanh thiếu niên. Như thế vấn đề đặt ra là cần phải điều chỉnh cả việc sắp xếp các môn học trong các trường BTVH của thanh thiếu niên sao cho thích ứng với nhu cầu của xã hội.

Nét mới trong Ngành học bổ túc (hay giáo dục thường xuyên) trong mấy năm gần đây là : Bộ đã chỉ đạo các trường BTVH trung học cho thanh thiếu niên "*Day nghề cho học sinh nếu có điều kiện*". Nhưng trên thực tế các trường đều tự nhận không đủ điều kiện nên chưa tổ chức dạy nghề. Điều này đã đặt ra một loạt câu hỏi :

- Có cần dạy nghề cho đối tượng này không ?
- Dạy nghề theo hình thức bắt buộc hay không bắt buộc ?
- Mức độ yêu cầu dạy nghề như thế nào ?
- Các trường BTVH có thể dạy nghề được không ?
- Cách tổ chức dạy nghề như thế nào ?

Vì Ngành BTVH hiện nay chưa có chương trình dạy nghề nên việc điều chỉnh chương trình dạy nghề ở đây thực chất là hoàn chỉnh chương trình dạy nghề trong các trường BTVH trung học cho thanh thiếu niên.

Tóm lại, việc điều chỉnh nội dung chương trình dạy văn hoá, dạy nghề đồng thời cho học sinh trong các trường BTVH trung học dành cho thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay là cần thiết. Nó không những đáp ứng nhu cầu của thanh thiếu niên và nhu cầu của xã hội, còn góp phần phát triển hệ thống giáo dục không chính qui song song với hệ thống giáo dục chính qui theo tinh thần đa dạng hoá các loại hình giáo dục và đào tạo.

III. Mục tiêu của đề tài.

1. Xây dựng được một chương trình dạy các môn văn hoá phù hợp với đối tượng và nhu cầu xã hội.

2. Đề xuất được một chương trình dạy nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã - hội địa phương.

IV. Nhiệm vụ của đề tài.

Để đạt được hai mục đích trên, nhiệm vụ chính của đề tài là :

1. Điều chỉnh chương trình dạy các môn văn hoá hiện hành.
2. Xây dựng kế hoạch dạy nghề nói chung và phân phối chương trình dạy một số nghề để làm mẫu cho các địa phương có thể tự thiết kế chương trình dạy nghề riêng của địa phương mình.
3. Biên soạn một số tài liệu giáo khoa và tài liệu hướng dẫn phục vụ cho các chương trình dạy văn hoá và dạy nghề.

V. Phương pháp và qui trình nghiên cứu.

1. Các phương pháp chủ yếu :

- Nghiên cứu tài liệu.
- Điều tra thực tế.
- Phương pháp chuyên gia.
- Thử nghiệm sư phạm.
- Tổng kết kinh nghiệm.

Phương pháp thử nghiệm sư phạm được coi là quan trọng nhất, vì nhờ phương pháp này tập thể cán bộ nghiên cứu có thể hiệu chỉnh các tài liệu và đánh giá được chất lượng của sản phẩm nghiên cứu.

2. Qui trình nghiên cứu : Gồm 3 giai đoạn.

Giai đoạn 1. Tìm hiểu và thăm dò.

Các hoạt động chủ yếu của giai đoạn này là khảo sát, điều tra, tọa đàm, phỏng vấn các cơ sở thuộc nhiều vùng khác nhau.

Giai đoạn 2. Thử nghiệm sư phạm.

Việc thử nghiệm được tiến hành theo các bước sau : dự thảo chương trình, dự thảo tài liệu giảng dạy, tổ chức dạy thử, tu chỉnh thành sản phẩm cuối cùng.

Giai đoạn 3. Tổng kết.

Công việc này được tiến hành theo các bước từ tổng kết các môn học, các mặt hoạt động đến tổng kết toàn bộ công việc.

VI. Tập thể cán bộ nghiên cứu.

1. Cán bộ nghiên cứu :

- Vũ Đình Hải, trưởng phòng, chủ nhiệm đề tài.
- Nguyễn Bích Liên, chuyên viên, thư kí đề tài.
- Nghiêm Xuân Lượng, phó phòng nghiên cứu.
- Nguyễn Văn Bích, chuyên viên.
- Lê Mộng Đình, chuyên viên.
- Lý Đăng Khoa, chuyên viên.
- Ngô Quang Sơn, chuyên viên.
- Lê Tuyết Mai, chuyên viên.
- Đỗ Quang Luyện, chuyên viên.
- Nguyễn Văn Minh, chuyên viên.

2. Các cộng tác viên của đề tài :

- Vũ Đình Ruyệt, trưởng phòng nghiên cứu.
- Bùi Vân Thu, chuyên viên.
- Lê Hoàng Yên, chuyên viên.
- Nguyễn Văn Anh, chuyên viên.

VII. Kinh phí được cấp

- | | |
|---------------------|------------|
| - Năm 1991 được cấp | 4,5 triệu. |
| - Năm 1992 được cấp | 6,5 triệu. |
| - Năm 1993 được cấp | 9,5 triệu. |

Tổng cộng	20,5 triệu.
-----------	-------------

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.

I. Xác định cơ sở lí luận.

1. Mục tiêu đào tạo.

Theo nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, nhiệm vụ của Ngành giáo dục và đào tạo là : "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài". Vì thế trường BTVH trung học vừa học vừa làm (BTVHTH VHVL) phải góp phần thực hiện các nhiệm vụ trên, nhất là nhiệm vụ đào tạo nhân lực.

Ngày nay do sự phát triển nhanh chóng của khoa học kĩ thuật, các hoạt động kinh tế - xã hội đòi hỏi nhân lực cần có học vấn trung học. Đó là những người có bằng trung học, có lối sống lành mạnh, đồng thời có nghề chuyên môn thành thạo.

Quan điểm này đã được Đảng chỉ ra từ lâu : "Nâng cao chất lượng giáo dục nhằm mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện nhân cách xã hội chủ nghĩa của thế hệ trẻ, đào tạo đội ngũ lao động có văn hoá, có kĩ thuật, có kỉ luật và giàu tính sáng tạo, (1) động bộ về ngành nghề, phù hợp với yêu cầu phân công lao động của xã hội".

Ở đây vấn đề "phát triển nhân cách toàn diện" được đặt ra. Không nên nghĩ rằng, muốn phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh, phải dạy cho họ nhiều môn học. Thực tế, trong những năm trước đây, mặc dù các trường phổ thông trung học đã dạy nhiều môn văn hoá theo kiểu kinh viện, nhiều học sinh ra trường vẫn chưa đạt yêu cầu chất lượng toàn diện.

Theo giáo sư tiến sĩ Phạm Minh Hạc : "Nhân cách là tổ hợp thái độ, thuộc tính riêng trong quan hệ hành động của từng người với thế giới tự nhiên, thế giới đồ vật do loài người sáng tạo ra, với xã hội với bản thân".

Như thế nếu chỉ học các môn khoa học, người học chỉ có thể có thái độ đúng với tự nhiên, với xã hội, còn quan hệ đối với thế giới đồ vật trong lĩnh vực sản xuất và lao động, họ chưa chắc đã có thái độ đúng.

* (1) Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI.

* (2) GS.TS. Phạm Minh Hạc "Suy nghĩ bước đầu về nghiên cứu con người". Tạp chí NCGD số 2. 1993.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy : " Mỗi người lao động trí óc muốn là người hoàn toàn phải có lao động chân tay, và người lao động chân tay muốn là người hoàn toàn phải biết lao động trí óc. Người trí thức phải biết lao động chân tay. Người công nhân, nông dân phải có trình độ văn hoá ". Như thế, người học được nhiều môn văn hoá chưa phải là người hoàn toàn.

Vậy các trường BT VH trung học VHVL cần đồng thời dạy chữ, dạy người và dạy nghề cho thanh thiếu niên để đào tạo cho họ thành người lao động, người công dân "hoàn toàn".

2. Quán triệt nguyên lí phương châm giáo dục.

Mục tiêu có tính chất hành dụng nêu trên phù hợp với nguyên lí-phương châm giáo dục : "Lí luận liên hệ với thực tiễn", "Học đi đôi với hành". Trong phạm vi nghiên cứu giải quyết vấn đề của đề tài, nguyên lí trên được thể hiện dưới các cấp độ khác nhau, theo các đối tượng có nhiệm vụ khác nhau.

2.1 Đối với người dạy :

Biểu hiện của nguyên lí này là sự liên hệ của giáo viên với thực tiễn để giảng giải cho học sinh những hiện tượng thực tiễn họ gặp trong đời sống hoặc trong sản xuất. Đó là "soi sáng lao động của con người bằng trí thức".

2.2 Đối với người học.

Giáo viên cần hướng dẫn học sinh "áp dụng ngay tức khắc những kiến thức đã học được vào đời sống".

2.3 Đối với người làm chương trình.

Cần đưa các bài học có nội dung phục vụ thực tế vào chương trình các môn học. Thí dụ như ngày nay các nước tiên tiến đưa môn vi tính vào chương trình học để phổ cập ứng dụng máy vi tính rộng rãi. Ở nước ta, đối với các trường BT VH trung học VHVL phải chăng đưa chương trình môn học giáo dục công dân (GD CD) để phục vụ yêu cầu khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức trong xã hội ?

2.4 Đối với người viết sách.

Cần đưa vào tài liệu giáo khoa các môn học, những nội dung thực tế. Chẳng hạn như, trong tài liệu GD CD nên có các câu chuyện lịch sử, câu chuyện đời thường về ứng xử để chứng minh cho các chuẩn mực về đạo đức, đồng thời làm gương cho học sinh noi theo.

* (3) Bài nói tại hội nghị cán bộ GD từ 3-4/6/1957.

* (4) (5) Krupskaja "Dạy học trong trường buổi tối của Tonkonoga.

2.5 Đối với nhà quản lí.

Cần tổ chức đồng thời việc dạy văn hoá và dạy nghề để đào tạo người có ích cho cộng đồng.

Quan triết nguyên lí này, ở Liên Xô trước đây, Malakhóp đã khẳng định: " Chúng ta thấy cần thiết phải thực hiện kết hợp tổ chức việc dạy phổ thông với kĩ thuật ngành nghề cho thanh niên. Cần phải làm (sao để trường buổi tối trở thành một xưởng học tập thật sự của xí nghiệp ".

Còn ở Nhật Bản, " Các nghề về kinh tế gia đình được chính thức đưa vào kế hoạch dạy học từ tiểu học với hình thức bắt buộc, các nghề về công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ được dạy ở cấp cao trung... với thời lượng 3 học phần (mỗi học phần 35 giờ) theo nguyên tắc tự chọn nghề".

3. Các nguyên tắc cần theo.

3.1 Đáp ứng nhu cầu chính đáng của phụ huynh và học sinh.

Trước đây nhiều người muốn con em mình có bằng trung học để "bằng chị, bằng em". Bây giờ họ đã hiểu ra rằng, không thể và cũng không cần tất cả học sinh tốt nghiệp trung học đều vào đại học hoặc cao đẳng, vì xã hội chỉ cần một số tri thức có trình độ từ đại học trở lên, nhưng cần nhiều người thợ lành nghề trong mọi lĩnh vực kinh tế. Bảng 3 sau đây cho thấy nhu cầu học văn hoá và học nghề của học sinh và phụ huynh học sinh ngày nay. Cần đáp ứng nhu cầu vừa học văn hoá vừa học nghề của họ

KHẢO SÁT MỤC ĐÍCH HỌC TRƯỜNG VHVL Ở QUẢNG NINH, NAM HÀ, NINH BÌNH (Năm 1990)

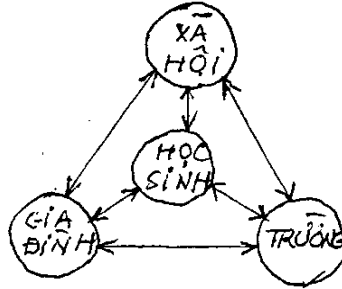
Bảng 3

Mục đích	Lớp 12 Uông Bí (%)	Lớp 11 Uông Bí (%)	Lớp 11 Cửa Ông (%)	Cần Thoi (%)	Phủ lí (%)
1. Bố mẹ mong con học để có bằng trung học.	25	10,2	0	9,8	24
2. Bố mẹ mong con học để có cả bằng trung học và có nghề.	72	70,96	100	78,6	74
1. Học sinh muốn học để có bằng trung học.	64	24,19	0	26	50,5
2. Học sinh muốn học để có cả bằng trung học và có nghề.	12	40,3	100	54	46

3.2 Phát huy triệt để sự giúp đỡ của mọi lực lượng trong xã hội.

Để hoàn thành nhiệm vụ của trường BTVH trung học VHVL, Ngành giáo dục không những phải quán triệt phương châm "học đi đôi với hành" mà còn phải tiến hành mọi công việc của mình trong mối quan hệ phối hợp với mọi lực lượng trong xã hội.

Có thể biểu diễn mối quan hệ giữa cá thể học sinh với mọi lực lượng trong sơ đồ bên. Ở đây, nhà trường, gia đình và xã hội cần quan hệ chặt chẽ với nhau để gây ảnh hưởng tích cực tới mọi hành vi của học sinh.



Nhiều người đã biết những biểu hiện của mối quan hệ trên trong việc dạy chữ và dạy người ở các trường học. Đó là sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc động viên khuyến khích học sinh chăm ngoan, học giỏi. Bây giờ cần phát huy mối quan hệ này trong công tác dạy nghề. Đó là sự đóng góp sức người, sức của của các gia đình và các cơ sở ngoài nhà trường vào việc dạy nghề cho học sinh các trường BTVH trung học VHVL.

Các trường BTVH trung học VHVL hiện nay có nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ dạy nghề, về thầy giáo dạy nghề. Các trường này thường chỉ có giáo viên dạy các bộ môn văn hoá chính (như Toán, Lí, Hoá, Văn) **không được cấp kinh phí cho dạy nghề**. Tuy vậy, các trường không nên dựa vào khó khăn kể trên của trường mình để tự biện: "chưa có đủ điều kiện dạy nghề nên chưa dạy nghề". Cần phát triển hình thức dạy nghề tại các đơn vị ngoài nhà trường trên cơ sở quan hệ hợp tác giữa nhà trường với các đơn vị đó.

Trong những năm 80 một số trường BTVH trung học VHVL đã phát huy được hình thức này. Trường BTVH trung học VHVL Từ Liêm, Hà Nội gửi 10 học sinh đến 1 gia đình học nghề dệt mảnh tằm, trường BTVH trung học VHVL Đống Đa, Hà Nội gửi 1 lớp học sinh đến nhà máy ô tô 3-2 học nghề sửa chữa ô tô.

Kinh nghiệm thực tế cho thấy, có thể phát huy mối quan hệ xã hội này dưới hình thức vay vốn của tập thể phụ huynh học sinh hoặc xin tài trợ của các cơ sở sản xuất, các tổ chức phi chính phủ ở trong và ngoài nước để xây dựng cơ sở vật chất, mua thiết bị cho dạy nghề.

* (6) Trường học buổi tối (bản tiếng Nga) số 2.1976.

* (7) GS.TS Nguyễn Minh Đường "Giáo dục phổ thông trước ngưỡng cửa thế kỉ 21" Tạp chí Thế giới mới. Số 29 năm 1992.